TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYÊN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: 56 /2017/HSST
Ngày 06/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN- TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Văn Ngọc- Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Hiền
- Bà Trần Thị Thúy Nga- Giáo viên trường THCS Chu Văn An

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký tòa án

Ngày 06 tháng 12 năm 2017 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2017/HSST ngày 23/10/2017 đối với các bị cáo:

1.1. Bị cáo: Nguyễn Văn V1, sinh ngày 04/6/2000.

Sinh trú quán: Thôn LC, xã DP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

Nghề nghiệp: lao động phổ thông. Trình độ văn hóa: 10/12.

Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 và bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1974; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

1.2. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo V1: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 và bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1974.

Cùng trú tại: Thôn LC, xã DP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

1.3. Người bào chữa cho bị cáo: bà Ngô Thị D- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Nam.

2.1. Bị cáo Nguyễn Trường T, sinh ngày 12/6/2000.

Sinh, trú quán: Khối phố P, thị trấn NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

Nghề nghiệp: lao động phổ thông. Trình độ văn hóa: 09/12.

Con ông: Nguyễn Trường S, sinh năm 1967 và bà Trần Thị C, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2.2. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T: Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1967 và bà Trần Thị C, sinh năm 1967.

Cùng trú tại: Khối phố P, thị trấn NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

2.3. Người bào chữa cho bị cáo Thịnh: Ngô Thị D- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Nam.

3.1. Bị cáo Lưu Tổng V2, sinh ngày 06/3/2000.

Sinh, trú quán: Thôn D, xã QX, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

Nghề nghiệp: lao động phổ thông. Trình độ văn hóa: 09/12.

Con ông: Lưu M, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt phiên tòa

3.2. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo V2: ông Lưu M, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970.

Cùng trú tại: Thôn D, xã QX, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

3.3. Người bào chữa cho bị cáo V: Hường Thị Bích P- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Nam.

4. Người bị hại: anh Lê Trung H, sinh năm 1992.

Trú tại: Khối phố LX, thị trấn NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, có mặt

5. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lưu Văn Đ, sinh năm 1992, vắng mặt.

Trú tại: Thôn D, xã QX, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN THẤY:

Tại bản cáo trạng số 49/ CT-VKS-HS ngày 20/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn V1 cùng đồng bọn như sau:

Ngày 24/5/2017, Nguyễn Trường T và Nguyễn Văn V1 chơi game đánh bài trên mạng bị thua tiền nên cả hai đem 01 (một) điện thoại Oppo của T và 01 (một) Iphone 5S của V1 đến cầm tại cửa hàng điện thoại di động TH (ở khối phố Long Xuyên 2, thị trấn NP, DX, chủ cửa hàng là anh Lê Trung H) được số tiền 3.000.000 đồng. T và V1 dùng số tiền này nạp vào tài khoản game để chơi tiếp nhưng cũng thua hết. Sau đó, V1 và T mang nhẫn vàng của V1 đem cầm ở hiệu vàng NM được 2.700.000 đồng, V1 đưa cho T 1.000.000 để nạp vào tài khoản game mục đích là khuya ngày 24/5/2017, tiếp tục chơi game gỡ lại số tiền đã thua. Khoảng 23h ngày 24/5/2017, T và V1 đang đứng ở nhà V1, T điện thoại rủ Lưu Tổng V2 đi chơi internet. Lúc này, V2 đang làm nhân viên quán karaoke LXR ở NP, V2 nghỉ làm và điều khiển xe máy hiệu Jupiter, biển kiểm soát 92G1-004.22 (xe này của anh ruột V2 là Lưu Văn Đ đứng tên) đến chở T và V1 lên quán internet B (thuộc thị trấn NP). Đến quán internet, T và V1 đăng nhập vào tài khoản game thì V1 thấy số tiền T nạp vào tài khoản bị giảm dần. Nghi ngờ anh H (chủ cửa hàng điện thoại di động TH) sử dụng hai điện thoại T và V1 đã cầm trước đó đăng nhập vào tài khoản để chơi game nên T gọi điện cho anh H để lấy lại điện thoại nhưng

trời đã khuya nên anh H từ chối. Bực tức nên V1 tìm cách đột nhập vào quán của anh Hoài để trộm cắp tài sản. V1 rủ T và V2 cùng tham gia, T và V2 đồng ý. V2 chở T và V1 đi tìm cây sắt để phá ổ khóa nhưng tìm không được. T nói tiếp "chừ đi tìm cái búa để phá ổ khóa", V1 nói lại "tìm cái dao và cái kéo để cắt tôn trên mái nhà chui xuống". T nói nhà T có cái dao và cái kéo nên bảo V2 chở T và V1 về nhà T để lấy rồi cả ba lên lại cửa hàng điện thoại TH. Đến quán massage DX (sát cửa hàng điện thoại TH), T và V1 bảo V2 đứng ngoài cảnh giới để T và V1 leo theo bờ tường quán massage DX rồi trèo qua mái tôn cửa hàng TH. T dùng kéo cắt tôn mái nhà nhưng phát ra tiếng động sợ bị phát hiện nên V1 nói để V1 cắt, V1 cắt tôn thành một cái lỗ. T định chui theo lỗ tôn đã cắt vào bên trong quán để trộm cắp nhưng thân người của T to hơn lỗ tôn vừa cắt nên V1 thay T chui xuống. T đứng trên mái tôn, V1 đưa hai chân xuống, đạp thủng la phông, một tay níu kèo trần nhà còn một tay níu tay T rồi V1 từ từ thả người xuống. V1 dùng đèn pin từ điện thoại di động mà T đưa cho V1 trước đó để soi sáng. V1 lấy 02 điện thoại di động mà T và V1 đã cầm trước đó. V1 nhìn thấy trong cửa hàng còn nhiều điện thoại nên nảy sinh lòng tham, V1 lấy hết 52 (năm mươi hai) chiếc điện thoại di động các loại (đa số là điện thoại đã qua sử dụng). Sau đó, V1 kéo thọa tủ phát hiện trong thọa tủ có 13.000.000 đồng tiền mặt, V1 lấy cất giấu trong người. Số điện thoại trộm cắp được V1 cho vào bao nilon có sẵn trong quán rồi đưa lên cho T ở trên mái tôn. V1 định leo lên lại để ra ngoài thì T đứng ở trên nhìn xuống thấy có 02 laptop nên nói với V1 là lấy luôn 02 chiếc laptop. V1 quay lại lấy 02 laptop đưa lên cho T mang ra ngoài. Sau khi lấy được tài sản, T và V trèo ra ngoài theo lối cũ, dùng điện thoại di động gọi cho V đến đón T và V1 rồi cả ba cùng nhau đi đến cánh đồng xã QX để chia tài sản. Tại đây, T lấy 01 (một) điện thoại Oppo đã cầm trước đó, 01 (một) điện thoại Samsung J7, 04 (bốn) điện thoại Nokia 1208; V1 lấy 01 (một) điện thoại Iphone 5S đã cầm trước đó, 01 (một) điện thoại Samsung J7; V2 lấy 01 (một) điện thoại Samsung A5, 01 (một) điện thoại HTC, 01(một) điện thoại Vertu. Chia xong còn 02 (hai) laptop lo sợ có định vị sẽ bị phát hiện nên cả ba đập nát rồi vứt xuống mương nước ở chỗ cánh đồng. Số điện thoại còn lại, con dao, cái kéo và chiếc điện thoại V1 dùng làm đèn pin khi trộm cắp cả nhóm bỏ vào bao nilon, trên đường chở T và V1 về nhà, V2 đã vứt xuống sông Bà Rén để phi tang. Riêng số tiền 13.000.000 đồng V1 không nói ra, đến sáng hôm sau V1 mới nói cho T biết trong quá trình trộm cắp có lấy được tiền. T và V1 mang số tiền này đến tiệm vàng NM chuộc lại chiếc nhẫn vàng đã cầm trước đó hết 2.800.000 đồng. Sau khi trộm cắp xong, cả ba đã bỏ trốn vào thành phố HCM. Tại thành phố HCM, T và V1 đã tiêu xài hết số tiền trộm cắp được, không còn tiền tiêu xài T bán chiếc điện thoại Oppo được 1.000.000đ (một triệu đồng), 03 điện thoại Nokia 1208 được 120.000đ (một trăm hai mươi ngàn đồng); V1 bán điện thoại Samsung J7 được 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm ngàn đồng), chiếc điện thoại Iphone 5S bị mất trộm; V2 bán điện thoại Samsung A5 và HTC được tổng cộng 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng). Ngày 09/6/2017, T, V1 và V2 quay về đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. T đã giao nộp 01 (một) điện thoại Samsung J7 và 01 (một) điện thoại Nokia 1208; V2 giao nộp 01 (một) điện thoại Vertu cho Cơ quan điều tra Công an Duy Xuyên.

Tại bản kết luận định giá số 21 ngày 19/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Duy Xuyên kết luận: 52 (năm mươi hai) chiếc điện thoại có giá trị 23.800.000 đồng; 02 (hai) laptop có giá trị 11.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản: 34.800.000 đồng.

* Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 47.800.000đ (Bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng).

* Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- 01 (một) điện thoại di động Nokia 1208 màu đen, loại điện thoại bàn phím;
- 01 (một) điện thoại di động Samsung J7, màn hình cảm ứng, đời máy năm 2015;
- 01 (một) điện thoại di động Vertu (Trung Quốc) màu đỏ, bàn phím, có viền màu vàng, nắp mặt lưng điện thoại có hình con ngựa.

Tại Bản cáo trạng số 49/CT-VKS-HS ngày 20/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V1, Nguyễn Trường T, Lưu Tổng V2 về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn V1, Nguyễn Trường T, Lưu Tổng V2; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, Điều 74, Điều 60 của Bộ luật hình sự; xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Văn V1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Nguyễn Trường T từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

Lưu Tổng V2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Người bào chữa cho bị cáo V1, T, V2thống nhất nội dung bản cáo trạng truy tố hành vi của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Sau khi phạm tội các bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tác động đến gia đình bồi thường xong thiệt hại cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Trường hợp là trường hợp đồng phạm giản đơn, do bực tức chủ quán điện thoại nên mục đích vào lấy lại 02 điện thoại đã cầm chứ không có sự bàn bạc, phân công, cấu kết chặt chẽ, các bị cáo thực hiện tự phát không theo sự phân công của của bị cáo nào nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Vì vậy, đề nghị xử các bị cáo ở khoản 1 điều 138 và điều 31 BLHS xử phạt cải tạo không giam giữ các bị cáo.

Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo đều thống nhất ý kiến của người bào chữa, đề nghị Hội đồng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn V1, Nguyễn Trường T, Lưu Tổng V2 thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện DX truy tố hành vi của các bị cáo là đúng, khai nhận hành vi trộm cắp tài sản phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát, các bị cáo thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh và thống nhất ý kiến của người bào chữa. Các bị cáo khai xuất phát từ suy nghĩ nông cạn, xuất phát từ việc

nghi ngờ anh H sử dụng tài khoản có trong điện thoại của bị cáo T, V1 để chơi game, yêu cầu trả điện thoại thì anh H không trả nên bị cáo V1 đã rủ T,V2 đột nhập vào quán anh H để lấy lại điện thoại đã cầm. Các bị cáo ân hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm mức hình phạt nhẹ nhất.

Người bị hại anh Lê trung H thống nhất nội dung bản cáo trạng truy tố hành vi bị cáo, thống nhất ý kiến Kiểm sát viên về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Người bị hại đã được bồi thường xong về tài sản, đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Anh Lưu Văn Đ khai nhận: chiếc xe mô tô Jupiter biển kiểm soát 92G1-004.22 là tài sản do anh đứng tên sỡ hữu, tối ngày 24/5/2017, bị cáo Việt tự ý lấy xe đi chơi, anh không biết là dùng xe để chở đi trộm cắp tài sản. Nay, anh đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn V1, Nguyễn Trường T, Lưu Tổng V2 đều khai nhận hành vi phạm tội tại phiên tòa phù hợp nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên, phù hợp ý kiến của Kiểm sát viên, người bị hại, người liên quan trong vụ án; có căn cứ để kết luận:

Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 25/5/2017, bị cáo Nguyễn Văn V1 đã rủ rê bị cáo Nguyễn Trường T, Lưu Tổng V2 đột nhập vào cửa hàng điện thoại di động TH của anh Lê Trung H trộm cắp tài sản. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là:52 (Năm mươi hai) chiếc điện thoại có giá trị 23.800.000 đồng; 02 (hai) laptop có giá trị 11.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản: 34.800.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo V1 và T còn lén lút chiếm đoạt 13.000.000 đồng tiền mặt của anh H mà không cho Lưu Tổng V2 biết.

Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa cho thấy các bị cáo nghi ngờ anh H sử dụng tài khoản điện thoại của bị cáo V1, T đã cầm cho anh H, nên bức xúc rũ nhau đột nhập vào quán để lấy lại 02 điện thoại đã cầm, không có bàn bạc, cấu kết, mỗi bị cáo thực hiện tự phát, không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ, nên thống nhất quan điểm của người bào chữa, các bị cáo là đồng phạm giản đơn. vì vậy các bị cáo phạm tội " trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 BLHS là có căn cứ. Đối với bị cáo V1, T ngoài trộm cắp điện thoại, máy vi tính còn trộm 13.000.000đ tiền mặt nên tổng giá trị 47.800.000 đồng, 02 bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương đương với giá trị tài sản đã chiếm đoạt, Bị cáo V2 phải chịu trách nhiệm hình sự tương đương với giá trị tài sản đã chiếm đoạt:34.800.000 đồng.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy,cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh trước pháp luật. Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, đã tác động đến gia đình bồi thường xong thiệt hại cho người bị hại, người bị hại đã có

đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các bị cáo phạm tội ở độ tuổi chưa thành niên, nghỉ học sớm nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, xuất phát từ suy nghĩ nông cạn, tức giận vì yêu cầu anh H trả máy điện thoại nhưng bị từ chối nên đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi trộm cắp. Các bị cáo lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định và có gia đình cam đoan về việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Vì vậy, các bị cáo được hưởng những tình giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo V1 rủ rê, thực hiện tích cực nhất nên xử mức án cao hơn bị cáo T và V2, bị cáo T có vai trò thấp hơn bị cáo V1 nhưng cao hơn bị cáo V2 nên xử mức hình phạt thấp hơn bị cáo V1 và cao hơn bị cáo V2,
và chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo về cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục để hai bị cáo trở thành công dân tốt.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã bồi thường, khắc phục xong hậu quả do các bị cáo gây ra cho anh Lê Trung H. Tại phiên tòa, anh H không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại các tài sản: 01 (một) điện thoại di động Nokia 1208 màu đen, loại điện thoại bàn phím; 01 (một) điện thoại di động Samsung J7, màn hình cảm ứng, đời máy năm 2015; 01 (một) điện thoại di động Vertu (Trung Quốc) màu đỏ, bàn phím, có viền màu vàng, nắp mặt lưng điện thoại có hình con ngựa cho người bị hại và trả lại cho anh Lưu Văn Đ 01 (một) xe mô tô hiệu Jupiter màu trắng, biển kiểm soát 92G1-004.22 là đúng quy định của pháp luật, nên HĐXX không xem xét

Riêng con dao, cái kéo, điện thoại di động dùng làm phương tiện trộm cắp, các bị cáo khai đã vứt xuống sông Bà Rén, Cơ quan điều tra đã truy tìm vật chứng nhưng không thu được.

Các điện thoại mà Nguyễn Trường T, Nguyễn Văn V1 và Lưu Tổng V2 chia nhau tại cánh đồng xã QX gồm 01 (một) Samsung J7, 03 (ba) chiếc Nokia 1208, 01 (một) Samsung A5, 01 (một) cái HTC đã được bán cho người khác ở thành phố HCM nhưng không xác định được địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra không truy thu được.

Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; buộc bị cáo V1, T, V2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn V1, Nguyễn Trường T, Lưu Tổng V2 đã phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 60 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V1

12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/12/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 60 của Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2009, Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án (06/12/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 60 của Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lưu Tổng V2 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án (06/12/2017).

Giao bị cáo Nguyễn Văn V1 về cho Ủy ban nhân dân xã DP, huyện D X, tỉnh Quảng Nam giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Trường T về cho Ủy ban nhân dân thị trấn NP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Lưu Tổng V2 về cho Ủy Ban nhân dân xã QX, huyện QS, tỉnh Quảng Nam giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự năm 2011.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn V1, Nguyễn Trường T, Lưu Tổng V2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

(Đã giải thích chế định án treo)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Duy Xuyên*
- *Chi cục THADS huyện Duy Xuyên*
- *Bị cáo, những người TGTT khác*
- *TAND tỉnh Quảng Nam*
- *VP công an huyện Duy Xuyên*
- *Lưu HS-AV*

Nguyễn Minh Quốc